



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1673>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Đại Nghĩa¹ và Nguyễn Thị Phụng^{2*}

¹*Khoa Giáo dục chính trị - Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: nguyenthiphung190781@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/10/2025; Ngày duyệt đăng: 22/10/2025

Tóm tắt

Bài viết đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại các trường mầm non ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu nghiên cứu gồm 140 cán bộ quản lý và giáo viên, kết hợp phỏng vấn sâu với 10 cán bộ quản lý, giáo viên và 7 phụ huynh. Phương pháp nghiên cứu kết hợp định lượng (thang đo Likert 5 mức, xử lý bằng Microsoft Excel) và định tính (mã hóa dữ liệu phỏng vấn). Kết quả cho thấy cán bộ quản lý và giáo viên nhận thức tích cực về tầm quan trọng của công tác quản lý nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ, đặc biệt trong việc giúp trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt và đạt mục tiêu chương trình giáo dục mầm non. Việc lập kế hoạch cơ bản đầy đủ nhưng hạn chế ở khâu xác định biện pháp thực hiện, huy động nguồn lực và tham gia thảo luận của tập thể. Công tác tổ chức có phân công rõ ràng và truyền thông nội bộ, nhưng bồi dưỡng chuyên môn và trao đổi kinh nghiệm còn hạn chế. Ban giám hiệu có định hướng rõ ràng và phối hợp hiệu quả với phụ huynh, song công tác kiểm tra, đánh giá và bổ sung nguồn lực cần cải thiện. Phối hợp gia đình – nhà trường – xã hội đạt mức trung bình khá. Nghiên cứu nhấn mạnh cần nâng cao năng lực quản lý, đào tạo chuyên môn, phát triển đội ngũ kiểm tra chuyên trách và ứng dụng công nghệ trong giám sát và truyền thông để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ.

Từ khóa: *Chăm sóc trẻ, giáo dục trẻ, hoạt động nuôi dưỡng, quản lý, trường mầm non.*

Trích dẫn: Trần, Đ. N., & Nguyễn, T. P. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(06S), 16-29. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1673>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE CURRENT SITUATION OF MANAGING NUTRITION AND CHILD CARE ACTIVITIES IN PRESCHOOLS IN BINH TAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY

Tran Dai Nghia¹ and Nguyen Thi Phung^{2*}

¹*Faculty of Political Education and Educational Management, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author, Email: nguyenthiphung190781@gmail.com*

Article history

Received: 28/9/2025; Received in revised form: 13/10/2025; Accepted: 22/10/2025

Abstract

This study examines the current state of management in child care and nurturing activities at preschools in Binh Tan District, Ho Chi Minh City. The research sample included 140 administrators and teachers, combined with in-depth interviews with 10 administrators and teachers and 7 parents. The study employed a mixed-methods approach, including quantitative analysis (5-point Likert scale, processed using Excel) and qualitative analysis (interview data coding). The results indicate that administrators and teachers have a positive awareness of the importance of managing child care and nurturing, particularly in helping children adapt to daily routines and achieve the goals of early childhood education programs. While planning is generally adequate, it is limited in terms of defining implementation measures, mobilizing resources, and facilitating collective discussion. Organizational work shows clear task assignments and internal communication, but professional development and experience-sharing remain insufficient. School leadership provides clear guidance and effective collaboration with parents; however, monitoring, evaluation, and resource supplementation need improvement. Family-school-community collaboration is at a fairly average level. The study emphasizes the need to enhance management capacity, provide professional training, develop a dedicated monitoring team, and apply technology in supervision and communication to improve the quality of child care and nurturing.

Keywords: *Child care, early childhood education management, nutrition activities, preschool.*

1. Giới thiệu

Hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ (HĐNDCST) đóng vai trò nền tảng trong việc phát triển toàn diện trẻ mầm non, bao gồm cả thể chất, tinh thần và kỹ năng xã hội. Ở giai đoạn mầm non, trẻ cần được chăm sóc khoa học, đầy đủ dinh dưỡng, bảo đảm an toàn và môi trường giáo dục thân thiện. Tuy nhiên, việc quản lý hiệu quả các hoạt động này tại các trường mầm non còn gặp nhiều thách thức, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và áp lực về chất lượng giáo dục. Quản lý HĐNDCST không chỉ liên quan đến việc lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động chăm sóc mà còn đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội. Công tác này ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, khả năng thích nghi và sự phát triển toàn diện của trẻ, đồng thời phản ánh năng lực quản lý và chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường. Mặc dù các trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có quận Bình Tân, đã thực hiện nhiều nỗ lực trong việc quản lý HĐNDCST, vẫn tồn tại những hạn chế như việc huy động nguồn lực, đào tạo nhân sự, kiểm tra đánh giá và phối hợp với phụ huynh. Việc khảo sát thực trạng quản lý HĐNDCST nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu khách quan, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo trẻ được chăm sóc khoa học, an toàn và phát triển toàn diện. Nghiên cứu cũng hướng đến việc củng cố năng lực quản lý, phát triển đội ngũ nhân sự, tăng cường ứng dụng công nghệ và cải thiện sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, góp phần xây dựng môi trường giáo dục mầm non bền vững và chất lượng.

2. Tổng quan lý thuyết nghiên cứu

Quản lý hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ mầm non là yếu tố then chốt đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất, sức khỏe và kỹ năng sống của trẻ. Hiệu trưởng và đội ngũ giáo viên (GV) đóng vai trò quan trọng trong việc lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và đánh giá các hoạt động này. Vì thế, vấn đề này đã được nhiều nghiên cứu:

Theo (Lê, 2016) kết luận việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường mầm non tư thục. Để làm tốt công tác này, Hiệu trưởng các trường mầm non tư thục cần có những giải pháp quản lý phù hợp với các nguồn lực hiện có của nhà trường, trong đó cần chú trọng việc xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình, xây dựng chế độ thông tin hai chiều, tổ chức kiểm tra đánh giá phù hợp nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

Thái & cs. (2019) đã kết luận việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng là nguyên tắc cơ bản để nâng cao hiệu quả chăm sóc và giáo dục trẻ. Sự liên kết chặt chẽ giữa ba môi trường này giúp thống nhất nhận thức, định hướng hoạt động và tạo tác động đồng bộ, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Vì vậy, việc đề xuất và triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp là cần thiết. Các giải pháp này nên được xây dựng dựa trên mô hình phối hợp khoa học, với khung tiêu chuẩn cụ thể cho các hoạt động giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu của (Phạm, 2020) cho rằng: Quản lý hoạt động chăm sóc sức khỏe thể chất cho trẻ mầm non là quá trình điều phối nhằm hoàn thiện và phát triển toàn diện nhân cách trẻ. Nội dung quản lý bao gồm: quản lý mục tiêu và chương trình chăm sóc; lập kế hoạch và triển khai hoạt động; giám sát chất lượng đội ngũ GV, nhân viên; quản lý cơ sở vật chất; kiểm tra, đánh giá hoạt động; đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý chăm sóc sức khỏe thể chất trẻ.

Theo (Nguyễn, 2021a) đã nghiên cứu và kết luận rằng: Những nội dung cơ bản của Chuẩn nghề nghiệp GV mầm non và mối quan hệ với kỹ năng nghiệp vụ, nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận chính sách để thiết kế quy trình và công cụ nghiên cứu. Công cụ này được thử nghiệm để đảm bảo độ tin cậy, phục vụ thu thập, phân tích và đánh giá nhận thức

của GV mầm non về Chuẩn nghề nghiệp, đặc biệt các tiêu chuẩn liên quan đến nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các tiêu chuẩn này đến kỹ năng nghiệp vụ GV mầm non, từ đó cung cấp cơ sở cho các biện pháp bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực GV và chất lượng giáo dục mầm non.

Theo kết quả nghiên cứu của (Nguyễn, 2021b) cho rằng: Quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ 3-4 tuổi là quá trình tác động có mục đích của hiệu trưởng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, sức khỏe và thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non. Công tác quản lý này không chỉ đảm bảo an toàn cho trẻ mà còn tạo niềm tin cho cha mẹ và xã hội, đồng thời giúp hiệu trưởng huy động các nguồn lực cần thiết để tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng một cách hiệu quả. Để thực hiện tốt, việc nghiên cứu và nắm vững đặc điểm cơ bản của nhóm tuổi 3-4 là cần thiết, giúp thiết kế các hoạt động phù hợp với khả năng và nhu cầu phát triển của trẻ. Nội dung hoạt động phải cân bằng giữa dinh dưỡng, vệ sinh, nghỉ ngơi và rèn luyện thể lực, đồng thời kết hợp theo dõi, đánh giá và điều chỉnh theo thực tiễn. Bên cạnh đó, các yếu tố như nguồn lực, đội ngũ nhân sự, cơ sở vật chất và sự phối hợp với phụ huynh cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý, và việc quan tâm đến các yếu tố này trong bối cảnh đổi mới giáo dục giúp nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ 3-4 tuổi tại trường mầm non.

Nghiên cứu của (Hoàng, 2021) đã kết luận: Quản lý HĐNDCST là một nhiệm vụ quen thuộc đối với hiệu trưởng các trường mầm non. Tuy nhiên, tại các trường mầm non công lập ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, công tác này vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Các biện pháp quản lý được đề xuất vừa có tính độc lập, vừa có sự liên kết chặt chẽ, hướng đến mục tiêu chung là nâng cao hiệu quả tổ chức HĐNDCST. Mỗi biện pháp đều giữ vai trò quan trọng trong toàn bộ quy trình quản lý và cần được thực hiện đồng bộ; bỏ sót hoặc xem nhẹ bất kỳ biện pháp nào sẽ làm giảm hiệu quả tổng thể của hệ thống quản lý.

Nghiên cứu của Nguyễn & cs. (2022) đã chỉ ra việc đổi mới giáo dục là cả một quá trình lâu dài đầy khó khăn, thách thức, đặc biệt trong việc ứng dụng kỹ thuật số ở cấp học mầm non. Tiếp cận giáo dục mầm non các ứng dụng kỹ thuật số an toàn không chỉ là quyền của trẻ em mà còn là điều kiện cần cho cha mẹ trẻ và các lực lượng giáo dục dựa trên quyền lợi và nghĩa vụ của họ. Do đặc thù của giáo dục mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất bên cạnh yếu tố về năng lực tài chính của các đối tác thì đòi hỏi sự vào cuộc của mọi lực lượng xã hội tại địa phương tạo thành một hệ sinh thái giáo dục mầm non vững chắc vì sự phát triển của trẻ.

Nhóm tác giả Nguyễn & cs. (2024) kết luận qua nghiên cứu về việc quản lý khẩu phần và thực đơn bán chú cho trẻ ở các trường mầm non; Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ ở trường mầm non; Quản lý khu chế biến thực phẩm cho trẻ ở trường mầm non; Quản lý tổ chức ăn bán trú cho trẻ ở trường mầm non; Quản lý thu - chi tiền ăn của trẻ ở trường mầm non; Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ ở trường mầm non; Quản lý phối hợp giữa các lực lượng giáo dục đảm bảo chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ mầm non.

Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn (2025) cũng đã chỉ ra việc phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường mầm non. Gia đình cần tham gia tích cực vào quá trình giáo dục, giúp trẻ nhận được sự quan tâm và hỗ trợ toàn diện. Cộng đồng đóng góp thông qua việc hỗ trợ tài chính, tài nguyên và các hoạt động giáo dục, giúp cải thiện cơ sở vật chất và mở rộng cơ hội học tập cho trẻ. Sự hợp tác giữa nhà trường và cộng đồng không chỉ tạo ra môi trường học tập tích cực mà còn xây dựng một cộng đồng giáo dục vững mạnh, đảm bảo sự phát triển toàn diện và bền vững cho trẻ em. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự tham gia tích cực của gia đình và cộng đồng có thể cải thiện đáng kể kết quả học tập và sự phát triển của trẻ. Để đạt được hiệu quả cao nhất, cần có những giải pháp cụ thể nhằm tăng cường sự phối hợp giữa gia đình,

nhà trường và cộng đồng. Nhà trường cần chủ động xây dựng các chương trình hợp tác, khuyến khích sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng, tạo ra môi trường học tập thân thiện và an toàn cho trẻ.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã khảo sát 140 khách thể là cán bộ quản lý (CBQL), GV dựa theo thang đo likert 5 mức độ, ở 5 trường mầm non trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: mầm non 19/5, mầm non Hoa Hồng, mầm non Hoa Phượng Vĩ, mầm non Thiết Mộc Lan, mầm non Sen Hồng.

- Phòng vắn sâu 10 CBQL, GV và 07 Cha mẹ học sinh (CMHS): Kết quả phỏng vấn được mã hóa để thuận lợi trong phân tích, bình luận, đánh giá thực trạng.

Cụ thể CBQL được mã hóa: CBQL1, CBQL2, CBQL3, CBQL4, CBQL5; 08 GV được mã hóa: GV1, GV2, GV3, GV4, GV5; CMHS1 đến CMHS7.

- Để đo lường kết quả khảo sát, chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 đến 5. Khoảng cách giữa các mức được tính theo công thức $[(\max - \min) : 5] = [(5-1) : 5 = 4:5 = 0,8$. Theo đó, quy ước đánh giá các mức độ của từng yếu tố dựa vào giá trị điểm trung bình (ĐTB) như sau: Mức 5: $4,21 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$; Mức 4: $3,40 \leq \text{ĐTB} < 4,21$; Mức 3: $2,60 \leq \text{ĐTB} < 3,40$; Mức 2: $1,8 \leq \text{ĐTB} < 2,60$; Mức 1: $1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,80$.

Các số liệu thu được sẽ được xử lý thông qua phần mềm Excel để tính ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) và hệ số tương quan các số liệu thu được, tùy từng câu hỏi mà chúng tôi có thể tính tỉ lệ phần trăm (%) theo 5 mức được thiết kế trong phiếu điều tra.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 1. Kết quả khảo sát nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	CBQL, GV		
		ĐTB	ĐLC	XH
1	Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trong nhà trường giúp giảm thiểu những tai nạn thường gặp có thể xảy ra đối với trẻ	2,90	0,63	3
2	Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non	2,93	0,64	2
3	Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc tốt giúp trẻ phát triển toàn diện, có sức khỏe tốt	2,85	0,63	4
4	Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tốt sẽ mang lại thương hiệu, uy tín cho nhà trường	2,80	0,62	6
5	Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tốt giúp trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở trường	2,96	0,65	1
6	Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tốt giúp trẻ có khả năng tự phục vụ trong giờ ăn, ngủ và giờ vệ sinh.	2,84	0,62	5

Kết quả khảo sát Bảng 1 cho thấy CBQL và GV tại các trường mầm non đánh giá tích cực về tầm quan trọng của quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ với điểm trung bình từ

2,75–2,96. Nội dung được đánh giá cao nhất là giúp trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt (ĐTB = 2,96) và thực hiện tốt mục tiêu chương trình giáo dục mầm non (ĐTB = 2,93). Các nội dung khác như giảm thiểu tai nạn (ĐTB = 2,90), phát triển toàn diện, sức khỏe trẻ (ĐTB = 2,85) và nâng cao khả năng tự phục vụ (ĐTB = 2,84) cũng được đồng thuận cao, trong khi nội dung về thương hiệu, uy tín nhà trường thấp hơn (ĐTB = 2,80). Phòng vẫn một CBQL, ba GV và hai phụ huynh đều nhấn mạnh quản lý tốt giúp trẻ nhanh thích nghi, giảm tai nạn, phát triển toàn diện và chuẩn hóa quy trình chăm sóc. Nhìn chung, nhận thức tích cực của đội ngũ CBQL, GV là nền tảng thuận lợi để nâng cao chất lượng HỖNDCST. Tuy nhiên, cần tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng công nghệ và tăng cường tuyên truyền để quản lý thực sự trở thành công cụ then chốt đảm bảo môi trường giáo dục mầm non an toàn, thân thiện và phát triển bền vững.

Kết quả khảo sát cho thấy ĐLC của các nội dung dao động từ 0,62 đến 0,65, cho thấy mức độ đồng thuận cao giữa CBQL và GV về vai trò của công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Nội dung có ĐLC thấp nhất (0,62) là về uy tín nhà trường và khả năng tự phục vụ của trẻ, thể hiện sự thống nhất rõ rệt. Mặc dù nội dung về khả năng thích nghi của trẻ có ĐLC cao nhất (0,65), chênh lệch không đáng kể và vẫn nằm trong mức đồng thuận tốt. Nhìn chung, kết quả phản ánh tính ổn định và độ tin cậy cao của dữ liệu khảo sát.

4.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2. Kết quả khảo sát thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	CBQL, GV		
		ĐTB	ĐLC	XH
1	Căn cứ vào văn bản chỉ đạo, thực trạng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại trường	2,65	0,64	2
2	Xác định mục tiêu, và đề ra các chỉ tiêu cụ thể cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	2,59	0,63	4
3	Xây dựng nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ phù hợp với chương trình giáo dục mầm non, các quy định và điều kiện thực tế tại trường	2,67	0,64	1
4	Đề ra các biện pháp, cách thức thực hiện mục tiêu, nội dung của kế hoạch	2,55	0,64	5
5	Xác định các nguồn lực hỗ trợ thực hiện kế hoạch	2,49	0,64	7
6	Xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	2,60	0,64	3
7	Triển khai kế hoạch đến toàn thể nhà trường thảo luận đóng góp ý kiến	2,50	0,62	6
8	Hoàn thiện, duyệt kế hoạch	2,46	0,64	8

Thực trạng xây dựng kế hoạch HỖNDCST ở các trường mầm non được CBQL và GV ở Bảng 2 đánh giá với điểm trung bình dao động từ 2,46 đến 2,67 so với thang đo 5 mức, cho thấy mức độ thực hiện ở mức trung bình. Các nội dung như “xác định mục tiêu và đề ra các chỉ tiêu cụ thể cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ” (ĐTB = 2,59), “xây dựng kế hoạch

năm, tháng, tuần” (ĐTB = 2,60) cũng được thực hiện tương đối đầy đủ các nội dung của kế hoạch. Tuy nhiên, các khâu quan trọng như “đề ra các biện pháp, cách thức thực hiện mục tiêu, nội dung của kế hoạch” (ĐTB = 2,55), “triển khai kế hoạch đến toàn thể nhà trường thảo luận đóng góp ý kiến” (ĐTB = 2,50) và “hoàn thiện, duyệt kế hoạch” (ĐTB = 2,46) lại có điểm thấp hơn, cho thấy quá trình thực hiện kế hoạch còn nhiều hạn chế, chưa thực sự chặt chẽ, chưa có sự tham gia đầy đủ của các bộ phận chịu trách nhiệm, đồng thời cũng cho thấy sự thiếu linh hoạt, sáng tạo của kế hoạch mà chỉ làm theo lý thuyết. Đặc biệt, việc “xác định các nguồn lực hỗ trợ thực hiện kế hoạch” được đánh giá thấp nhất (ĐTB = 2,49), cho thấy còn nhiều khó khăn trong việc huy động và sử dụng nguồn lực hỗ trợ cho HĐNDCST.

ĐLC dao động từ 0,62 đến 0,64. Đây là mức dao động thấp, phản ánh sự thống nhất tương đối cao giữa CBQL và GV trong nhận thức về các bước xây dựng kế hoạch. Nội dung có ĐLC thấp nhất (0,62) là việc triển khai kế hoạch để thảo luận, cho thấy mức độ đồng thuận rõ rệt. Các nội dung còn lại có ĐLC tương đương, cho thấy ý kiến phản hồi ổn định, không có sự phân tán lớn. Nhìn chung, số liệu thể hiện tính nhất quán cao trong đánh giá, đồng thời là cơ sở tin cậy để đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Trong quá trình phỏng vấn, câu hỏi được đưa ra “Theo Thầy/Cô, việc xây dựng kế hoạch cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ có cần thiết và quan trọng không? Vì sao?”. CBQL2 và GV3 có nội dung trả lời tương đồng “Việc xây dựng kế hoạch cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ phải đúng với Chương trình giáo dục mầm non, hợp lý với thực tế đơn vị và phù hợp với độ tuổi của trẻ.”

GV1: “Kế hoạch giúp nhà trường chủ động trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc một cách khoa học, phân công công việc rõ ràng, xác định nguồn lực hỗ trợ, đề ra mục tiêu cần đạt được, có biện pháp hình thức cụ thể.”

GV2: “Tôi thấy kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ có đầy đủ năm, tháng, tuần. Thể hiện đầy đủ mục tiêu đạt được và nội dung cụ thể.”

Kết quả phỏng vấn từ CBQL và các GV đều cho thấy sự thống nhất trong nhận thức rằng việc xây dựng kế hoạch cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ là cần thiết và quan trọng. Kế hoạch không chỉ cần đúng định hướng, mà còn phải khoa học trong tổ chức thực hiện, rõ ràng về hình thức và cụ thể về nội dung. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc trẻ, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay.

Với cùng câu hỏi trên, CMHS 6 trả lời “Việc xây dựng kế hoạch cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ là vô cùng cần thiết. Bởi lẽ, một kế hoạch rõ ràng, cụ thể sẽ giúp hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc được tổ chức khoa học, đồng bộ, hiệu quả và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ”.

CMHS7: “Với vai trò phụ huynh, tôi nhận thấy việc xây dựng kế hoạch cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ là vô cùng cần thiết và quan trọng. Kế hoạch không chỉ mang tính thủ tục mà còn là cơ sở giúp GV thực hiện đúng mục tiêu, nội dung đã đề ra, đảm bảo trẻ được chăm sóc khoa học, hiệu quả và phát triển toàn diện.”

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy công tác lập kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc trẻ tại các trường mầm non đã có nhiều tiến triển tích cực, với quy trình thực hiện khá bài bản, phù hợp thực tiễn. Tuy nhiên, cần nâng cao chất lượng kế hoạch bằng cách xác định mục tiêu rõ ràng, biện pháp cụ thể và đảm bảo sự tham gia tích cực của toàn thể cán bộ, GV. Đồng thời, việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cũng cần được chú trọng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc trẻ trong nhà trường.

4.3. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	CBQL, GV		
		ĐTB	ĐLC	XH
1	Phổ biến rộng rãi kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng đến các bộ phận, cá nhân trong trường	2,87	0,64	5
2	Phân công cụ thể, rõ ràng cho từng bộ phận cá nhân	2,94	0,64	3
3	Xây dựng mối quan hệ giữa các bộ phận và cá nhân trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	2,95	0,65	2
4	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục tiêu nội dung và các quy định, văn bản hướng dẫn thực hiện việc về nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.	2,98	0,65	1
5	Tổ chức các buổi bồi dưỡng tập huấn cho toàn thể nhà trường liên quan đến công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	2,85	0,64	6
6	Tổ chức thực hiện chuyên đề, mời chuyên gia tư vấn về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	2,90	0,65	4
7	Tổ chức cho GV, nhân viên tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm với các trường trên địa bàn quận.	2,80	0,56	7

Thực trạng tổ chức thực hiện HĐNDCST ở các trường mầm non tuy điểm chưa thật sự cao nhưng thể hiện sự đầu tư khá tốt về mặt công tác truyền thông và phối hợp nội bộ. Điểm cao nhất (ĐTB = 2,98) ở nội dung tuyên truyền, phổ biến mục tiêu và các quy định cho toàn thể CBQL, GV cho thấy nhà trường nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thống nhất ý chí, hành động trong thực hiện nhiệm vụ, tạo ra nền tảng vững chắc để các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng được đồng bộ và hiệu quả.

Độ lệch chuẩn các nội dung về tổ chức thực hiện HĐNDCST dao động từ 0,56 đến 0,65, thể hiện sự đồng thuận cao giữa CBQL và GV. Mức thấp nhất (0,56) thuộc về việc tổ chức cho GV, nhân viên tham quan học tập, cho thấy sự nhất trí rõ nét. Các nội dung còn lại có ĐLC ổn định, phản ánh ý kiến đồng đều và độ tin cậy của dữ liệu. Kết quả này tạo nền tảng cho các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trong nhà trường.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy các trường mầm non đã tổ chức HĐNDCST bài bản, có hệ thống. CBQL1 nhấn mạnh việc phổ biến quy định, lập kế hoạch cụ thể và phân công công việc rõ ràng; GV5, GV6 cho rằng phân công nhiệm vụ chi tiết, tổ chức chuyên đề, tập huấn và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn là yếu tố quan trọng. CMHS1 đánh giá việc phối hợp giữa nhà trường và GV trong xây dựng kế hoạch và thực hiện theo chế độ sinh hoạt khoa học giúp trẻ thích nghi nhanh. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả, nhà trường cần tăng cường tuyên truyền, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên, khuyến khích học hỏi và củng cố cơ chế phối hợp nội bộ, đảm bảo HĐNDCST liên tục, chuyên nghiệp và hiệu quả.

4.4. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 4. Kết quả thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	CBQL, GV		
		ĐTB	ĐLC	XH
1	Định hướng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ cho toàn trường	2,89	0,64	1
2	Điều hành, chỉ dẫn, tập huấn kiến thức và kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ cho GV, nhân viên	2,87	0,64	3
3	Lôi cuốn tạo động lực cho GV, nhân viên thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ (bồi dưỡng nhận thức, tạo điều kiện về vật chất, tinh thần)	2,85	0,65	4
4	Chỉ đạo GV phối hợp với cha mẹ trẻ để thực hiện HĐNDCST	2,88	0,65	2
5	Chỉ đạo GV thực hiện việc kiểm tra đánh giá kết quả HĐNDCST	2,80	0,64	5
6	Chỉ đạo tăng cường mua sắm, trang bị, sửa chữa hệ thống cơ sở vật chất, tăng cường nguồn tài chính, ...để phục vụ cho HĐNDCST	2,77	0,65	6
7	Chỉ đạo GV tổ chức góp ý, nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả thực hiện HĐNDCST	2,74	0,57	7

Thực trạng công tác chỉ đạo HĐNDCST trong các trường mầm non ở Bảng 4 được CBQL và GV đánh giá với mức ĐTB dao động từ 2,74 đến 2,89, các nội dung được triển khai ở mức khá, tuy nhiên vẫn còn một số mặt hạn chế cần cải thiện. Nội dung được đánh giá cao nhất là định hướng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ cho toàn trường là ĐTB = 2,89, cho thấy nhà trường có sự xác định rõ ràng về phương hướng và mục tiêu chung trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, tạo cơ sở để các bộ phận thực hiện thống nhất và đồng bộ. Tiếp theo, chỉ đạo GV phối hợp với cha mẹ trẻ (ĐTB = 2,88), phản ánh vai trò tích cực của nhà trường trong việc gắn kết giữa GV và phụ huynh - yếu tố quan trọng trong đảm bảo sự thống nhất trong chăm sóc trẻ tại trường và ở nhà.

Các hoạt động điều hành, tập huấn kiến thức - kỹ năng (ĐTB = 2,87) và tạo động lực cho GV, nhân viên (ĐTB = 2,85) đạt mức khá, nhưng chưa thực sự nổi bật, phản ánh nhu cầu tăng cường đầu tư về nội dung tập huấn và chế độ hỗ trợ vật chất, tinh thần. Các nội dung như chỉ đạo kiểm tra, đánh giá kết quả (ĐTB = 2,80), bổ sung cơ sở vật chất, tài chính (ĐTB = 2,77) và tổ chức góp ý, rút kinh nghiệm (ĐTB = 2,74) có điểm trung bình thấp, cho thấy công tác giám sát, huy động nguồn lực và đánh giá sau thực hiện còn hạn chế, làm quá trình cải tiến chất lượng hoạt động chưa sâu và chưa đồng bộ.

Độ lệch chuẩn các nội dung chỉ đạo thực hiện HĐNDCST dao động từ 0,57 đến 0,65, thể hiện sự đồng thuận cao giữa CBQL và GV. Nội dung “Chỉ đạo GV tổ chức góp ý, nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm” có ĐLC thấp nhất (0,57), cho thấy sự nhất trí rõ ràng nhất. Các nội dung khác duy trì ĐLC ổn định, phản ánh ý kiến đồng đều và độ tin cậy cao của dữ liệu. Kết quả này là cơ sở vững chắc để nâng cao hiệu quả chỉ đạo trong công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại trường mầm non.

Theo Thầy/Cô công tác chỉ đạo của Ban giám hiệu và CBQL có vai trò như thế nào trong việc tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ cho trẻ? CBQL 1 và GV 2 có câu trả lời tương đồng “Công tác chỉ đạo của CBQL giữ vai trò then chốt trong việc tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Sự chỉ đạo sát sao,

khoa học và linh hoạt sẽ giúp định hướng đúng mục tiêu, xây dựng kế hoạch phù hợp, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đồng thời giám sát và đánh giá, rút kinh nghiệm về hiệu quả quá trình thực hiện.”

GV3: “Cán bộ quản lý cũng là người tạo động lực cho GV thông qua công tác bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ kịp thời những khó khăn trong thực tế. Ví dụ, tại một trường mầm non nơi tôi từng công tác, Ban Giám hiệu đã xây dựng bảng phân công nhiệm vụ chăm sóc cụ thể theo nhóm tuổi, tổ chức các buổi kiểm tra bữa ăn, theo dõi sức khỏe trẻ định kỳ và kết hợp tổ chức “góc dinh dưỡng” giúp GV và phụ huynh cùng theo dõi tình trạng dinh dưỡng của từng trẻ. Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ và đồng bộ, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm rõ rệt, trẻ hào hứng đến trường và phụ huynh yên tâm, tin tưởng vào công tác chăm sóc tại trường.”

GV4: “Công tác chỉ đạo của Ban giám hiệu và CBQL có vai trò định hướng, lãnh đạo, và giám sát toàn bộ quá trình này, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và hiệu quả cho trẻ.”

GV5: “Theo tôi cần quan tâm, chặt chẽ hơn về tổ chức góp ý, nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả thực hiện sẽ giúp hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ hiệu quả hơn.”

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn, công tác chỉ đạo tại các trường mầm non đã có nền tảng cơ bản, đặc biệt về định hướng hoạt động và phối hợp với phụ huynh. Tuy nhiên, việc kiểm tra, đánh giá kết quả, huy động nguồn lực và tổ chức rút kinh nghiệm sau thực hiện còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả và bền vững của hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Do đó, các trường cần tiếp tục phát huy vai trò định hướng, tăng cường phối hợp với phụ huynh, chú trọng kiểm tra, đánh giá định kỳ, rút kinh nghiệm sau mỗi giai đoạn, đồng thời bổ sung nguồn lực và có chính sách động viên kịp thời để tạo động lực cho GV, nhân viên thực hiện nhiệm vụ hiệu quả.

4.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 5. Kết quả khảo sát thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	CBQL, GV		
		ĐTB	ĐLC	XH
1	Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra cụ thể đánh giá việc thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	2,79	0,64	1
2	Xác định nội dung và các hình thức kiểm tra	2,70	0,62	3
3	Thành lập Ban kiểm tra có đủ năng lực, kinh nghiệm trong kiểm tra hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	2,59	0,63	5
4	Tiến hành kiểm tra, đánh giá mức độ thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	2,76	0,62	2
5	Tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, phát hiện và điều chỉnh sai lệch trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trường	2,64	0,62	4

Thực trạng về công tác kiểm tra, đánh giá HĐNDCST tại các trường mầm non hiện nay được CBQL và GV đánh giá. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại các trường mầm non được CBQL và GV đánh giá ở mức trung bình khá, với

ĐTB dao động từ 2,59 đến 2,79. Nội dung được đánh giá cao nhất là xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra cụ thể (ĐTB = 2,79), cho thấy hầu hết các trường đã bước đầu có hệ thống tiêu chí minh bạch, phù hợp thực tế. Tuy nhiên, việc thành lập ban kiểm tra chuyên trách, xác định nội dung và hình thức kiểm tra, cũng như tổng kết, rút kinh nghiệm sau kiểm tra còn hạn chế, dẫn đến kết quả kiểm tra chưa đồng bộ và thiếu chiều sâu. Kết quả phỏng vấn cho thấy nhà trường đã triển khai nhiều hình thức kiểm tra như định kỳ, đột xuất, dự giờ, quan sát thực tế và khảo sát phụ huynh, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của GV.

ĐLC các nội dung kiểm tra, đánh giá HỖNDCST dao động từ 0,62 đến 0,64, cho thấy mức độ đồng thuận cao giữa CBQL và GV. Nội dung “Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra cụ thể” có ĐLC cao nhất (0,64), phản ánh sự nhất quán tương đối trong nhận thức. Các nội dung còn lại có ĐLC ổn định ở mức 0,62–0,63, cho thấy ý kiến phản hồi đồng đều và dữ liệu khảo sát có tính tin cậy. Kết quả này cung cấp cơ sở vững chắc cho việc hoàn thiện công tác kiểm tra, đánh giá trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại trường mầm non.

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn trên, công tác kiểm tra, đánh giá HỖNDCST tại các trường mầm non đã có sự quan tâm và triển khai tương đối hiệu quả, đã có khung tiêu chí và triển khai thực tế, song còn tồn tại bất cập về đội ngũ kiểm tra, hình thức kiểm tra chưa đa dạng và chưa phát huy vai trò điều chỉnh, cải tiến sau đánh giá. Các trường cần xây dựng đội ngũ kiểm tra chuyên trách, được bồi dưỡng về chuyên môn và kỹ năng kiểm tra trong lĩnh vực nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Đồng thời, nên đa dạng hóa hình thức kiểm tra (trực tiếp, định kỳ, đột xuất, khảo sát ý kiến...), kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra và điều chỉnh. Sau mỗi đợt kiểm tra, cần tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm cụ thể để điều chỉnh kế hoạch hoạt động phù hợp với thực tế, nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non.

4.6. Quản lý phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận bình tân, Thành phố hồ chí minh

Sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả của HỖNDCST. Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và gần gũi nhất với trẻ, nhà trường là nơi tổ chức hoạt động chuyên môn bài bản, còn xã hội giữ vai trò hỗ trợ, lan tỏa và cung cấp nguồn lực. Việc quản lý và điều phối tốt mối quan hệ này không chỉ tạo nên sự thống nhất trong cách chăm sóc, giáo dục trẻ mà còn thúc đẩy trách nhiệm cộng đồng đối với thể hệ mầm non.

Trong công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ mầm non, không thể tách rời vai trò của ba lực lượng chủ chốt: gia đình - nhà trường - xã hội. Mỗi bên đều có chức năng và trách nhiệm riêng, nhưng sự kết hợp chặt chẽ, đồng thuận trong hành động giữa ba lực lượng này mới chính là yếu tố quyết định để tạo ra môi trường phát triển toàn diện cho trẻ. Quản lý hiệu quả mối quan hệ phối hợp không chỉ giúp trẻ được chăm sóc đúng chuẩn mực, mà còn thúc đẩy nhận thức cộng đồng về vai trò của giáo dục mầm non trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực bền vững.

Bảng 6. Thực trạng quản lý phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	CBQL, GV			CMHS		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Nhà trường chủ động phổ biến kiến thức HỖNDCST cho phụ huynh	2,88	0,62	2	2,82	0,60	3
2	Phụ huynh hợp tác tích cực trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại nhà	2,90	0,63	1	2,85	0,64	1

TT	Nội dung	CBQL, GV			CMHS		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
3	Giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh về nội dung HĐNDCST phù hợp	2,85	0,63	3	2,83	0,64	2
4	Phụ huynh tham gia các buổi họp/lớp chuyên đề về HĐNDCST do trường tổ chức	2,65	0,61	7	2,68	0,64	7
5	Nhà trường phối hợp với tổ dân phố, y tế, đoàn thể tổ chức tuyên truyền HĐNDCST	2,82	0,64	4	2,70	0,60	6
6	Có sự hỗ trợ từ địa phương/xã hội trong truyền thông và tổ chức HĐNDCST	2,79	0,63	5	2,79	0,59	4
7	HĐNDCST có sự thống nhất giữa gia đình – nhà trường– xã hội	2,69	0,63	6	2,75	0,64	5

Thực trạng quản lý phối hợp giữa gia đình-nhà trường-xã hội trong tổ chức HĐNDCST ở các trường mầm non được phản ánh qua đánh giá của hai nhóm đối tượng CBQL, GV và cha mẹ học sinh. Nhìn chung, cả hai nhóm đều đánh giá mức độ phối hợp ở mức trung bình khá, tuy nhiên vẫn còn những chênh lệch nhất định giữa nhận thức và sự kỳ vọng. Cụ thể, nội dung “phụ huynh hợp tác tích cực trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại nhà” được đánh giá cao nhất bởi cả CBQL, GV (ĐTB = 2,90) và cha mẹ học sinh (ĐTB = 2,85), điều này cho thấy sự ghi nhận của nhà trường đối với vai trò hỗ trợ của phụ huynh, đồng thời bản thân cha mẹ học sinh cũng đánh giá tích cực về sự tham gia của mình. Nội dung “nhà trường chủ động phổ biến kiến thức HĐNDCST cho phụ huynh” cũng được đánh giá cao (CBQL, GV: ĐTB = 2,88; CMHS: ĐTB = 2,82), cho thấy nỗ lực truyền thông, liên kết, phối hợp từ phía nhà trường đã bước đầu được ghi nhận, tuy nhiên khoảng cách điểm số nhỏ cũng cho thấy phụ huynh vẫn còn kỳ vọng được tiếp cận nhiều hơn, thông tin rõ ràng và thường xuyên hơn.

Việc GV thường xuyên trao đổi với phụ huynh cũng được đánh giá khá đồng đều (CBQL, GV: ĐTB = 2,85; cha mẹ học sinh: ĐTB = 2,83), phản ánh sự tương tác giữa nhà trường và phụ huynh, cụ thể là GV ở nhóm lớp tương đối ổn định, giữ mối liên hệ giữa hai bên. Tuy nhiên, nội dung liên quan đến sự tham gia của phụ huynh vào các buổi họp/lớp chuyên đề lại có mức thấp nhất (CBQL, GV: ĐTB = 2,65; cha mẹ học sinh: ĐTB = 2,68), cho thấy hạn chế trong việc huy động phụ huynh tham gia sâu vào các hoạt động tập huấn chuyên đề – một phần do lịch trình cá nhân, một phần có thể do nhà trường chưa tạo điều kiện mời phụ huynh tham gia. Mức đánh giá của CBQL, GV về sự phối hợp với tổ dân phố, y tế, đoàn thể (ĐTB = 2,82) cao hơn so với đánh giá từ phía CMHS (ĐTB = 2,70), cho thấy nhà trường đánh giá cao vai trò cộng đồng, trong khi cha mẹ học sinh có thể chưa thấy rõ hiệu quả hoặc chưa được tiếp cận đầy đủ thông tin về các hoạt động này. Mức đánh giá về sự thống nhất giữa gia đình – nhà trường – xã hội còn ở mức trung bình (CBQL, GV: ĐTB = 2,69; cha mẹ học sinh: ĐTB = 2,75), cho thấy sự phối hợp này chưa thực sự chặt chẽ, còn rời rạc trong triển khai thực tế.

Độ lệch chuẩn trong phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội về nuôi dưỡng chăm sóc trẻ dao động từ 0,59 đến 0,64, cho thấy sự đồng thuận cao và ổn định giữa CBQL, GV và phụ huynh. Nội dung “Phụ huynh hợp tác tích cực” có độ đồng thuận cao nhất. Kết quả này khẳng định tính nhất quán trong nhận thức, làm cơ sở cho việc tăng cường hợp tác trong công tác nuôi dưỡng chăm sóc trẻ.

Trong quá trình phỏng vấn CBQL, GV và cha mẹ học sinh với câu hỏi “Theo Thầy/Cô,

công tác quản lý phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội hiện nay trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ cho trẻ được thực hiện ra sao? Thầy/Cô đánh giá mức độ hiệu quả và khó khăn của công tác này như thế nào?”. CBQL3 đã trả lời như sau: “Hiện nay công tác quản lý phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ đã được quan tâm và từng bước triển khai hiệu quả. Nhiều trường mầm non chủ động tổ chức các buổi họp phụ huynh, hội thảo chuyên đề, gửi bảng theo dõi sức khỏe và chế độ ăn của trẻ về cho gia đình, đồng thời phối hợp với y tế địa phương tổ chức khám sức khỏe, tuyên truyền kiến thức chăm sóc cho cha mẹ”

GV1: “Công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế về tính thường xuyên, chủ động và thống nhất. Cần tiếp tục nâng cao vai trò quản lý và điều phối từ phía nhà trường để phát huy hiệu quả bền vững và toàn diện hơn.”

GV2: “Việc phối hợp còn phụ thuộc nhiều vào thái độ của phụ huynh. Một số hợp tác tốt nhưng một số khác chưa chủ động, dẫn đến thiếu thông tin hai chiều.”

Cùng câu hỏi trên, CMHS5 trả lời “Nhà trường tổ chức họp phụ huynh vào đầu mỗi năm học, gửi thông báo, trao đổi thông tin về tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng và sinh hoạt của trẻ qua giờ đón, trả trẻ hằng ngày. Tuyên truyền, thông báo tình trạng sức khỏe, chế độ dinh dưỡng qua bảng tin trường và bảng tin lớp.”

CMHS6: “Tôi rất sẵn lòng đóng góp về vật chất như nguyên vật liệu, kinh phí khi GV vận động. Đồng thời tham gia đầy đủ các buổi họp phụ huynh của lớp, để nắm bắt nội dung phổ biến của nhà trường.”

CMHS7: “Tôi thường xuyên theo dõi thông tin GV đăng tải trên Enetviet hay Zalo nhóm lớp. Tôi rất thích xem hình ảnh hoạt động của con tôi ở lớp.”

Kết quả khảo sát và phỏng vấn, đã khẳng định rằng sự phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong HĐNDCST ở các trường mầm non đã có những nền tảng tích cực và đang phát triển theo hướng tích cực. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa nhà trường và xã hội rất hạn chế, vì vậy để nâng cao hiệu quả phối hợp, cần tăng cường truyền thông hai chiều giữa nhà trường và gia đình thông qua các kênh công nghệ như số liên lạc điện tử, zalo, các buổi họp nhóm nhỏ; tổ chức các lớp chuyên đề có nội dung thiết thực, linh hoạt về thời gian để thu hút phụ huynh tham gia. Bên cạnh đó, cần phát huy hơn nữa vai trò của cộng đồng – đặc biệt là y tế địa phương và các tổ chức xã hội – trong việc hỗ trợ hoạt động chăm sóc và truyền thông dinh dưỡng, sức khỏe. Đồng thời, nhà trường cần xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng, có kế hoạch thống nhất, từ đó tạo ra mối liên kết bền chặt giữa ba lực lượng: gia đình – nhà trường – xã hội trong công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ mầm non.

5. Kết luận

Hoạt động quản lý nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy CBQL và GV đều nhận thức rõ vai trò quan trọng của công tác quản lý trong việc phát triển toàn diện và đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuy nhiên, nhận thức về ảnh hưởng của quản lý đối với uy tín nhà trường còn hạn chế, cần tăng cường truyền thông nhằm nâng cao nhận thức toàn diện hơn. Công tác lập kế hoạch được thực hiện ở mức trung bình với sự tham gia chưa đầy đủ của cán bộ, GV và gia đình, dẫn đến kế hoạch thiếu tính thực tiễn và chặt chẽ. Việc tổ chức thực hiện tương đối bài bản nhưng cần nâng cao năng lực chuyên môn và củng cố cơ chế duy trì hoạt động bền vững. Công tác chỉ đạo được đánh giá hiệu quả trong định hướng và phối hợp với phụ huynh, nhưng kiểm tra, đánh giá và rút kinh nghiệm còn yếu, ảnh hưởng đến chất lượng cải tiến. Đội ngũ kiểm tra chuyên trách chưa phát triển đầy đủ, hình thức kiểm tra còn đơn điệu và chưa phát huy tối đa hiệu quả. Phối hợp giữa nhà

trường, gia đình và xã hội đạt mức trung bình khá, tuy nhiên sự tham gia của phụ huynh và các tổ chức xã hội còn hạn chế do các rào cản về thời gian và cơ chế phối hợp chưa chặt chẽ. Nhìn chung, hoạt động quản lý nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại các trường mầm non quận Bình Tân đã có nhiều tiến bộ nhưng cần tập trung nâng cao năng lực chuyên môn, hoàn thiện quy trình lập kế hoạch, tăng cường chỉ đạo và kiểm tra đánh giá hệ thống, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả nhằm tạo môi trường phát triển toàn diện cho trẻ.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng, T. N. (2021). Một số biện pháp quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại các trường mầm non công lập Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Giáo dục*, Số 495 (Kì 1 - 2/2021), 42-46. Truy cập từ <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/bitstream/dlu123456789/151937/1/cvv216s4952021042.pdf>.
- Lê, T. T. B. (2016). Giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ em ở các trường mầm non tư thục, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, Số 129, Tháng 6/2016, 46-48. Truy cập từ http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/129_6.2016_-46-48.pdf
- Nguyễn, T. H. (2021a). Xây dựng công cụ nghiên cứu ảnh hưởng của các tiêu chí về “nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em” trong chuẩn nghề nghiệp đến kỹ năng nghiệp vụ của giáo viên trường mầm non, *Tạp chí Giáo dục*, Số 496 (Kì 2-2/2021), 8-13.
- Nguyễn, T. N. (2021b). Quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ 3–4 tuổi ở các trường mầm non trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (46), 42–47. Truy cập từ http://vjes.vnies.edu.vn/vi/so-46-thang-10-nam-2021/so_46-42-47.pdf
- Nguyễn, T. N, Vũ, T.N. M., & Nguyễn, T., T. (2022). Nhu cầu, điều kiện và khả năng ứng dụng kỹ thuật số vào chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non ở khu công nghiệp, khu chế xuất: nghiên cứu trường hợp tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục* (2022), 22(11), 27-32. Truy cập từ <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/440.pdf>.
- Nguyễn, T. Y., Hoàng, T. T., & Nguyễn, T. T. (2024). Thực trạng quản lý chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ ở các trường mầm non huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(4), 69–75. Truy cập từ http://vjes.vnies.edu.vn/vi/so-4-thang-04-nam-2024_-_tap_20_-_so_04_-69-75.pdf
- Nguyễn, T. B. G. (2025). Phối hợp với gia đình và cộng đồng để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại trường mầm non. *Tạp Chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2: Chuyên san Khoa học Giáo dục*, 1(04), 28. Truy cập từ <https://sjes.hpu2.edu.vn/index.php/journal/article/view/649>.
- Phạm, T. N. (2020). Biện pháp quản lý hoạt động chăm sóc sức khỏe thể chất cho trẻ ở các trường mầm non huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, *Tạp chí khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, số 41/2020, 85-91. Truy cập từ <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/bitstream/DLU123456789/249056/1/CVv443S412020085.pdf>.
- Thái, V. T., Nguyễn, N. H., & Nguyễn, T. T. H. (2019). Phối hợp gia đình, nhà trường, cộng đồng trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Số 16 tháng 4/2019. 73-78. Truy cập từ http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/bai_so_13_-_so_16_thang_4_.2019.pdf.